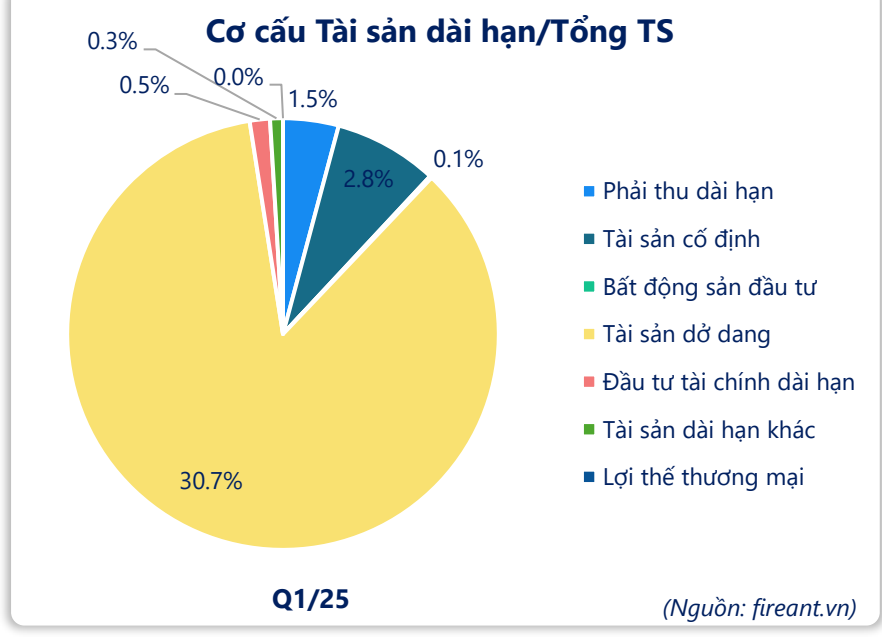
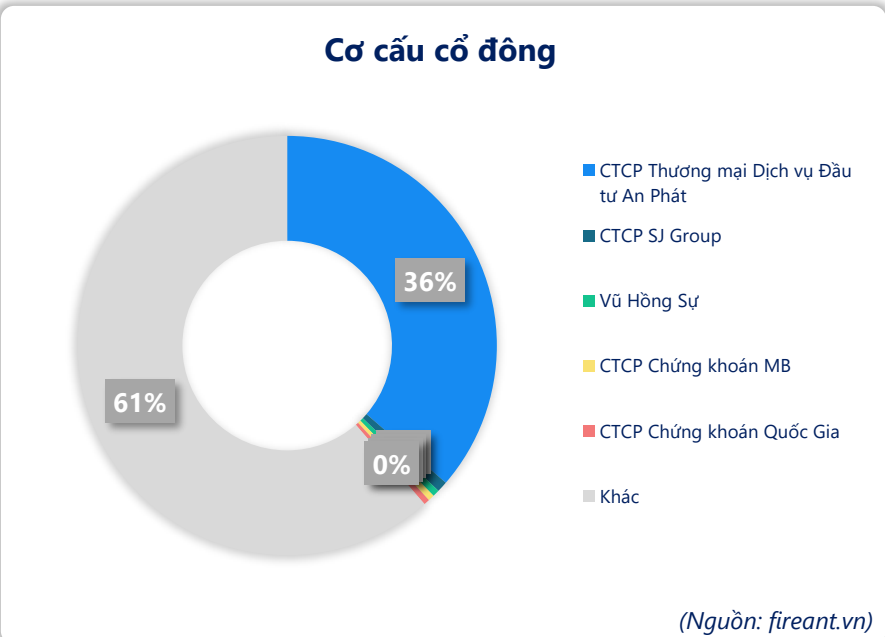
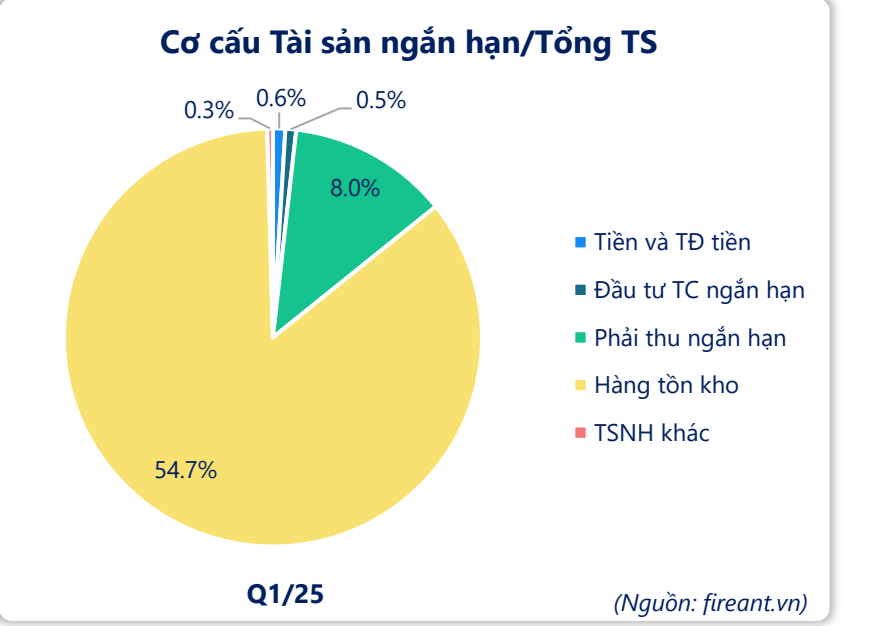
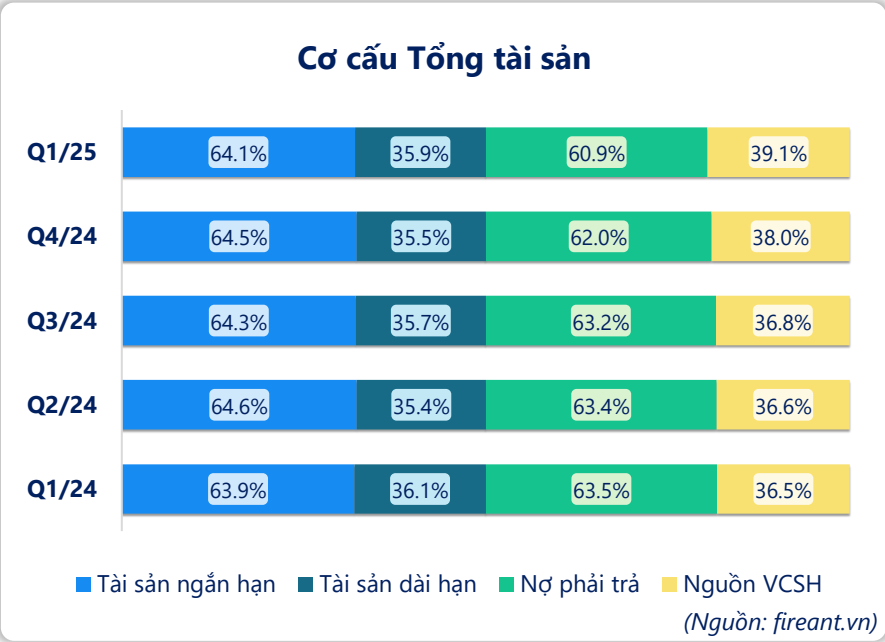
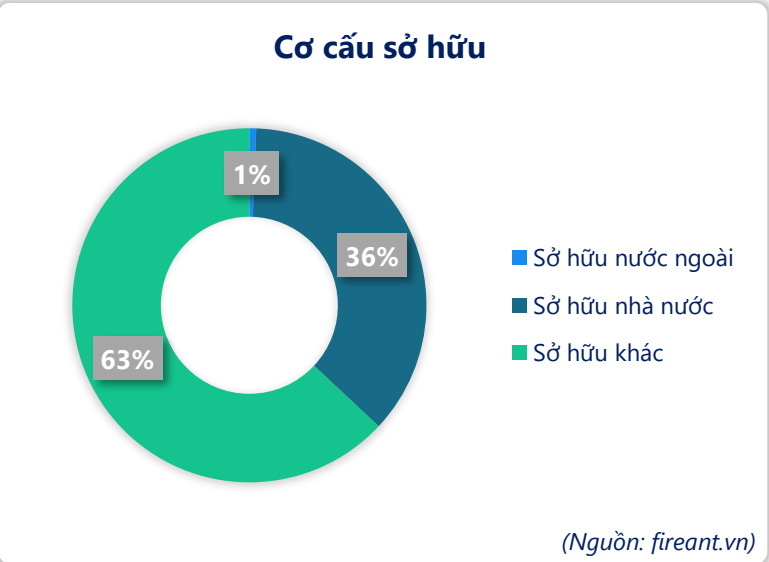
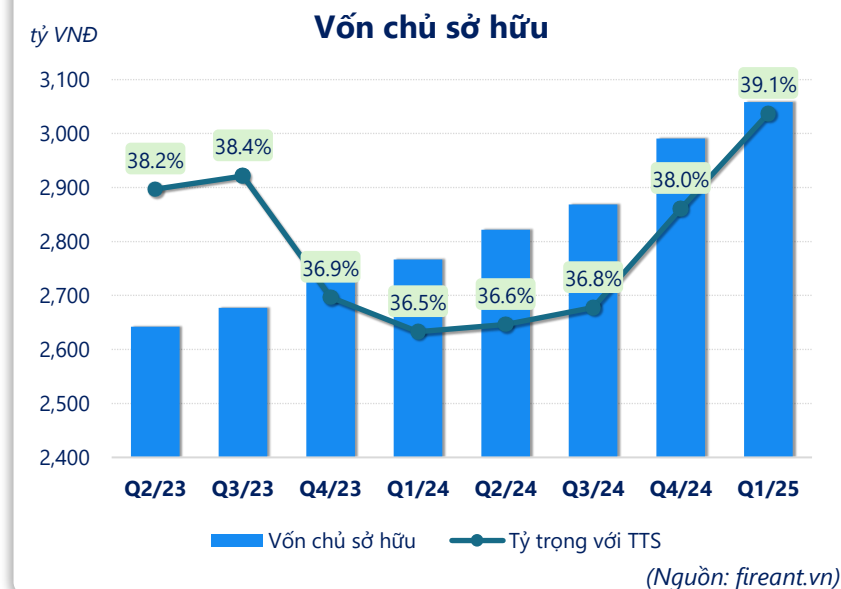
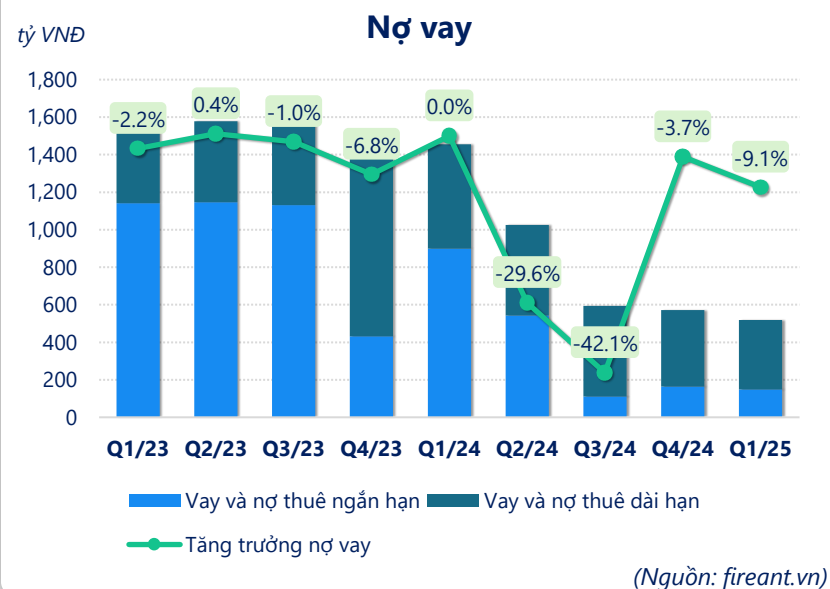
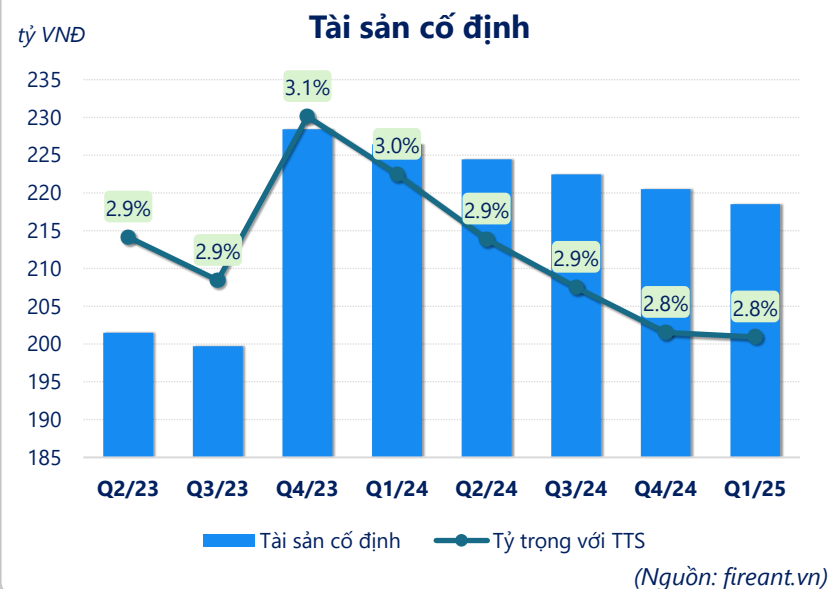
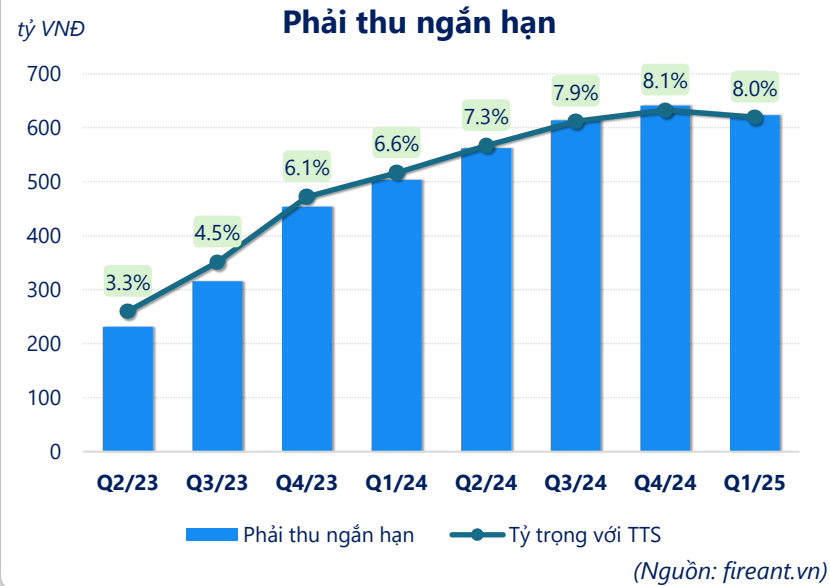
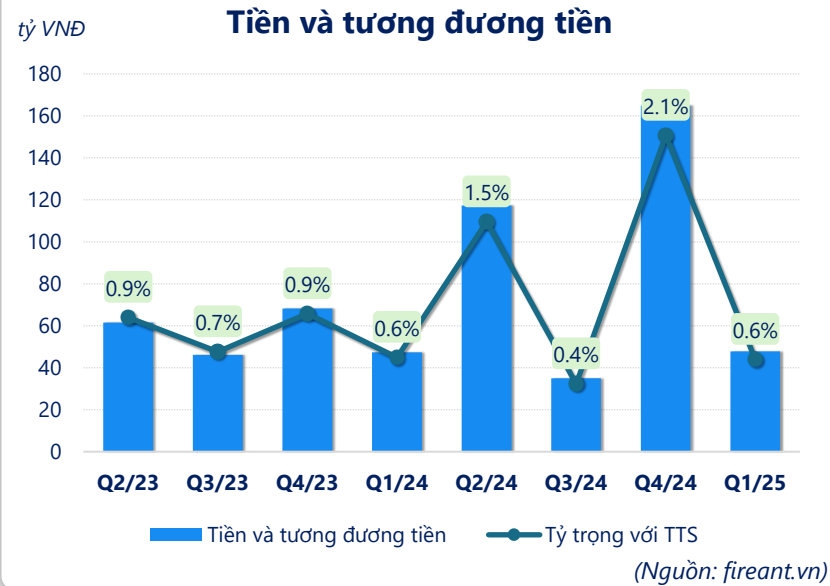
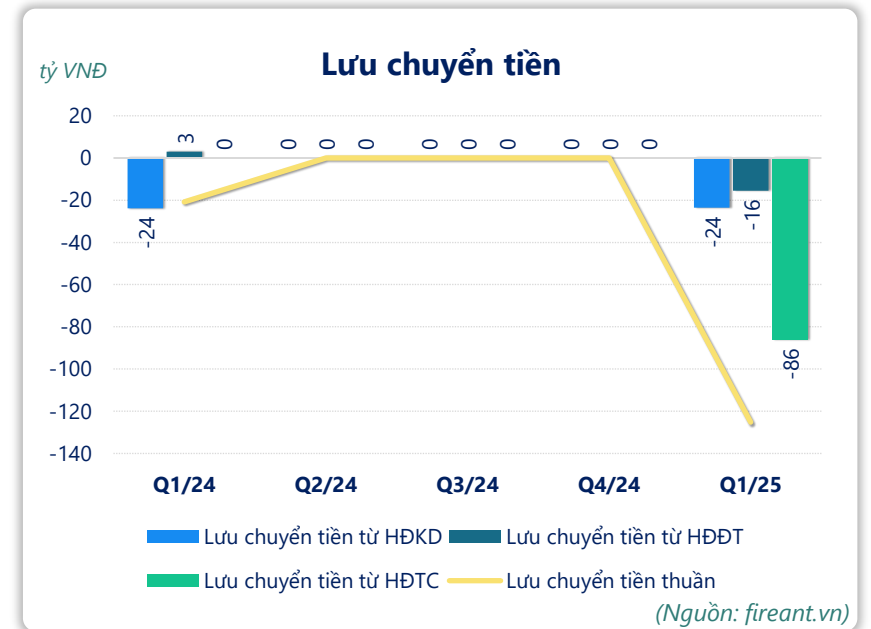
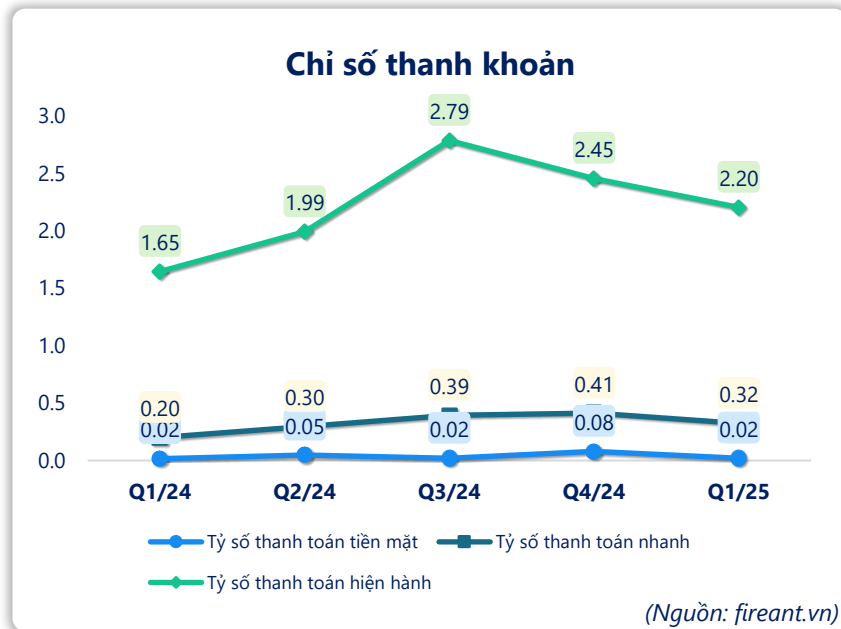
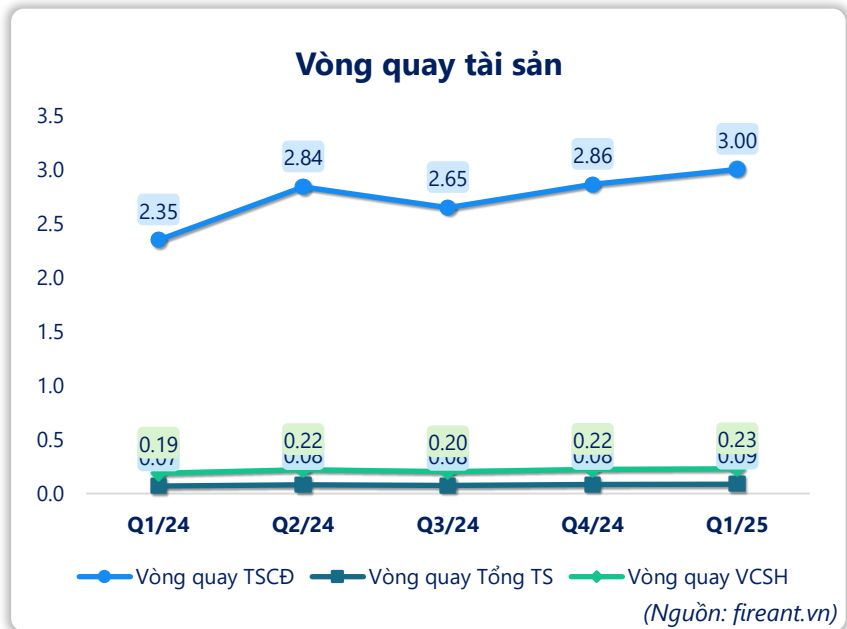
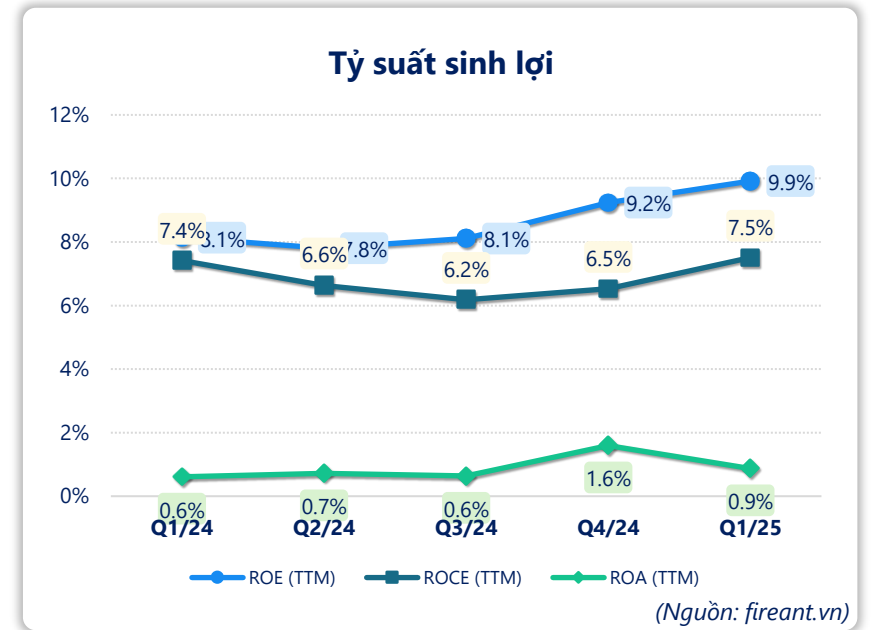
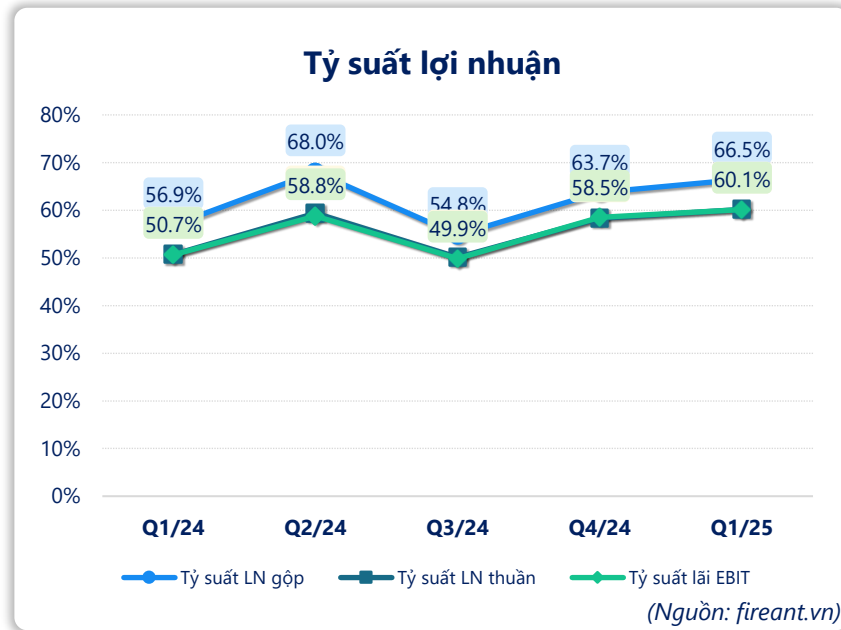
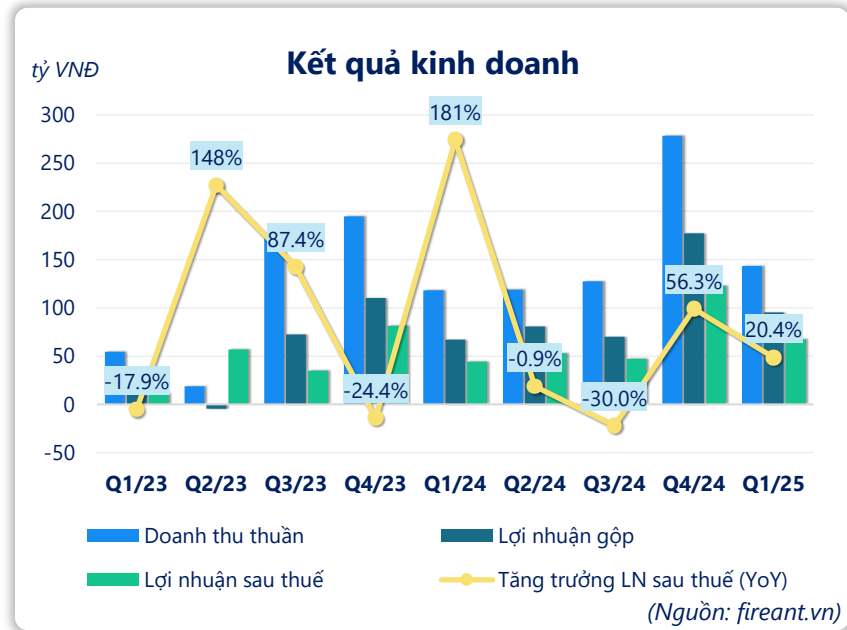


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		104,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		108,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		60,600
SL cổ phiếu LH		113,897,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)		656,575
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,948
P/E		41.4
EPS		2,536

	YTD	1T	3T	6T
SJS	44.7%	0.9%	49.9%	53.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,823	7,844	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	5,013	5,039	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	47.8	173	-72.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.8	18.3	128%
Phải thu ngắn hạn	623	623	0.0%
Hàng tồn kho	4,279	4,202	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	22.6	-4.6%
Tài sản dài hạn	2,810	2,805	0.2%
Phải thu dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản cố định	219	220	-0.9%
Bất động sản đầu tư	4.27	4.43	-3.6%
Tài sản dở dang	2,400	2,384	0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	42.6	42.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	27.0	37.0	-27.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,764	4,850	-1.8%
Nợ ngắn hạn	2,276	2,257	0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	197	-24.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	100	113	-11.5%
Nợ dài hạn	2,489	2,593	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	371	408	-9.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,059	2,994	2.2%
Vốn chủ sở hữu	3,059	2,994	2.2%
Vốn điều lệ	1,149	1,149	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	118	119	128	278	143
Giá vốn hàng bán	51.0	38.0	57.7	101	48.1
Lợi nhuận gộp	67.3	80.8	70.0	177	95.3
Doanh thu HĐTC	0.54	2.68	0.99	0.87	0.30
Chi phí TC	-1.64	2.22	-1.47	-0.32	-0.26
Chi phí lãi vay	0	0.60	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.55	0.56	0.46	0.68	0.56
Chi phí QLDN	8.92	10.1	8.00	15.5	9.03
LN thuần từ HĐKD	60.0	70.5	64.0	162	86.2
Lợi nhuận khác	-0.08	-1.30	-0.33	0.44	-0.05
LN trước thuế	59.9	69.2	63.6	163	86.2
Lợi nhuận sau thuế	44.3	52.7	47.3	123	67.4
LNST của CĐ cty mẹ	44.1	52.3	47.1	122	67.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.9	0	0	0	-23.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.01	0	0	0	-15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-86.1
Tiền đầu kỳ	68.2	0	0	0	173
Lưu chuyển tiền thuần	-20.9	0	0	0	-125
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.3	0	0	0	47.8

(Nguồn: fireant.vn)